

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/ DS-ST**

Ngày 29/8/2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên Hòa.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Trường

2. Ông Hoàng Ngọc Ánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2019/TLST - DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-DS ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, Sinh năm: 1976.

Anh Phan Đình Kh, sinh năm 1969.

(Anh Kh ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng tại Tòa án).

Đều địa chỉ: Khu T Th, th tr Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy Ch** (Nguyễn Xuân Ch), Sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Khu H S, thị trấn Th S, huyện Th S, Phú Thọ.

(Chị H, anh Ch có mặt tại phiên tòa, anh Kh vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh trình bày:

Ngày 22/7/2012 chị H, anh Kh có cho anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) vay số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), khi vay hai bên có thống nhất viết giấy vay tiền, anh Ch có ký nhận vào giấy vay tiền, trong giấy không thể hiện lãi suất và thời hạn trả nợ. Thực tế từ khi vay anh Ch có trả cho chị được 1-2 tháng tiền lãi, nhưng đã lâu nên chị cũng không nhớ số tiền là bao nhiêu và vì là chỗ quen biết nên sau đó không yêu cầu trả lãi nữa. Ngày 10/10/2016 anh Ch lại vay thêm chị H, anh Kh số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), khi vay anh Ch có viết giấy vay tiền, thời hạn trả nợ ngày 10/02/2017, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 1.000đ/ 1 triệu/ ngày. Kể từ khi vay thêm số tiền 200.000.000đ đến nay anh Ch không trả cho vợ chồng anh chị bất cứ đồng nào cả gốc và lãi mặc dù gia đình chị đã đòi rất nhiều lần. Nay chị H, anh Kh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ch phải trả cho anh chị toàn bộ số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật, thời điểm tính lãi từ 11/02/2017 đến nay.

Bị đơn anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) trình bày quan điểm như sau:
Anh Ch thừa nhận anh có vay của vợ chồng chị H, anh Kh số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), khi vay anh Ch có viết giấy vay tiền, không thể hiện thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau. Hàng tháng anh Ch vẫn trả lãi cho vợ chồng anh Kh, chị H đầy đủ. Theo anh Ch thực chất đây là số tiền anh đánh lô đề nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Còn giấy vay tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) anh Ch viết là để đảm bảo cho khoản tiền vay 80.000.000đ trước đó, thực tế anh Ch không được nhận số tiền này. Những lần trả lãi cho vợ chồng chị H anh chỉ đưa tiền, không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Nay chị H, anh Kh khởi kiện yêu cầu anh Ch trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 280.000.000đ anh Ch không đồng ý, anh Ch chỉ đồng ý trả số tiền vay là 80.000.000đ, còn số tiền lãi của 80.000.000đ anh Ch không đồng ý trả. Đối với số tiền 200.000.000đ anh Ch không đồng ý trả cả gốc và lãi.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh. Buộc anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh tổng số tiền nợ gốc của hai khoản vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 80.000.000đ vay ngày 22/7/2012: căn cứ vào Điều 463, 466, 469 – BLDS 2015 và Điều 476 BLDS 2005 (SĐ, BS 2011) và điểm c khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Buộc anh Ch phải gốc và lãi cho anh Kh, chị H theo lãi suất Ngân hàng Nhà nước quy định tại từng thời điểm.

Đối với số tiền 200.000.000đ vay ngày 10/10/2016, không lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 10/02/2017: Căn cứ Điều 463, 466, 470 BLDS 2015; Điều 476 BLDS 2005 (SĐ, BS 2011) và điểm c khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Buộc anh Ch phải trả gốc và lãi cho anh Kh, chị H tính từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/2/2017 theo lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định tại từng thời điểm. Từ ngày 11/02/2017 đến thời điểm xét xử anh Ch phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 305 BLDS 2005.

Về án phí: Anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc vay tài sản, xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) có hộ khẩu thường trú tại phố Hoàng Sơn, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Do đó căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh nộp đúng trình tự, thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Về tên gọi của bị đơn anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch): Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn cung cấp cho Tòa án chứng minh thư nhân dân mang tên

Nguyễn Duy Ch - sinh năm 1978, tuy nhiên trong giấy vay tiền giữa anh Kh, chị H lại ghi Nguyễn Xuân Ch. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ban công an thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn. Kết quả xác minh đã xác định theo chứng minh thư nhân dân, theo sổ theo đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố Hoàng Sơn, thị trấn Thanh Sơn tên là Nguyễn Duy Ch, Nguyễn Duy Ch còn có tên thường gọi tại nơi cư trú là Nguyễn Xuân Ch. Bản thân anh Nguyễn Duy Ch cũng thừa nhận tên thường gọi của mình là Nguyễn Xuân Ch.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh thấy rằng: Chị H, anh Kh cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Giấy vay tiền ngày 22/7/2012 thể hiện anh Ch vay số tiền 80.000.000đ. Giấy vay tiền ngày 10/10/2016 thể hiện anh Ch vay số tiền 200.000.000đ. Hai lần anh Kh, chị H cho anh Ch vay tiền ở trên đều một mình anh Ch thực hiện. Khoản vay 80.000.000đ không thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất, như vậy đây là hợp đồng vay tài sản (tiền) không có thời hạn và không có lãi suất. Khoản vay 200.000.000đ thời hạn trả nợ ngày 10/02/2017, không thể hiện lãi suất. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản (tiền) có thời hạn và không có lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc vay nợ giữa chị H, anh Kh với anh Ch là có thật, thể hiện ở giấy vay tiền bản gốc anh Kh đã nộp cho Tòa án, theo đó anh Kh, chị H là người cho vay tiền, anh Ch là người vay tiền, tại hai giấy vay tiền anh Ch đều có ký nhận là Nguyễn Xuân Ch. Đối với quan điểm của anh Ch cho rằng số tiền 80.000.000đ thực chất là tiền anh đánh lô đề, còn số tiền 200.000.000đ anh Ch viết ký nhận là để đảm bảo cho khoản vay 80.000.000đ trước đó, vì vậy anh Ch chỉ nhất trí trả cho vợ chồng anh Kh, chị H số tiền là 80.000.000đ. Quan điểm của anh Ch là không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận. Bởi lẽ, hai khoản vay tiền ở hai thời điểm khác nhau, khoản vay 80.000.000đ năm 2012, khoản vay 200.000.000đ năm 2016, cả hai khoản vay anh Ch được trực tiếp ký nhận vào giấy vay tiền, vì vậy không thể nói ký vào giấy vay nợ số tiền 200.000.000đ để đảm bảo cho khoản vay 80.000.000đ, mặt khác trong giấy vay số tiền 200.000.000đ nội dung không có đề cập đến khoản vay 80.000.000đ, cũng không thể hiện nội dung gì là để đảm bảo khoản vay 80.000.000đ trước đó, anh Ch không thừa nhận khoản vay 200.000.000đ là để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngoài ra anh Ch cho rằng số tiền 80.000.000đ thực chất là tiền anh đánh lô đề nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ch không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Vì

vậy quan điểm anh Ch cho rằng chỉ vay vợ chồng chị H, anh Kh số tiền 80.000.000đ và chỉ có trách nhiệm trả số tiền đã vay 80.000.000đ là không có căn cứ, không được tòa án chấp nhận.

Việc anh Kh, chị H và anh Ch thực hiện giao dịch hợp đồng vay tài sản đều hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị ai ép buộc, hai bên đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, tuy nhiên anh Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, không thực hiện đúng theo như hợp đồng vay tài sản đã ký kết. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn đối với số tiền nợ gốc là phù hợp. Do vậy yêu cầu khởi kiện của anh Kh, chị H là có căn cứ cần được chấp nhận, từ đó cần buộc anh Ch phải có trách nhiệm trả cho anh Kh, chị H toàn bộ số tiền đã vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ theo quy định tại điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Đối với chị Nguyễn Thị Thu Th (vợ của anh Ch): Trong giấy vay tiền 80.000.000đ ngày 22/7/2012 có ghi tên chị Nguyễn Thị Thu Th, tuy nhiên chị Th không được ký nhận tại giấy vay tiền, mà chỉ có một mình anh Ch ký. Anh Kh, chị H cũng khẳng định giấy vay tiền ghi tên đầy đủ cả hai vợ chồng để cho yên tâm, thực chất việc vay và nhận tiền chỉ một mình anh Ch thực hiện, bản thân anh Ch cũng thừa nhận việc đó và cho rằng vợ anh (chị Th) không liên quan đến việc vay tiền anh Kh, chị H. Do đó chị Th không có liên quan gì đến việc anh Ch vay tiền anh Kh, chị H, vì vậy chị Th không có nghĩa vụ phải trả nợ cho anh Kh, chị H.

[4]. Về việc trả lãi: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân Ch có trình bày được hàng tháng trả tiền lãi cho anh Kh, chị H khi vay số tiền 80.000.000đ, tuy nhiên khi trả tiền lãi thì anh Ch chỉ đưa tiền không có giấy tờ, biên nhận gì về việc trả lãi. Anh Ch cũng không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả lãi cho anh Kh, chị H. Do đó việc anh Ch trình bày đã trả lãi cho anh Kh, chị H là không có căn cứ, không được Tòa án chấp nhận. Tại phiên tòa anh Ch không chấp nhận việc trả lãi cho chị H, anh Kh.

Về yêu cầu tính lãi của anh Kh chị H đối với hai khoản tiền vay: Chị H và anh Kh yêu cầu HĐXX tính lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị H yêu cầu anh Ch phải thanh toán tiền lãi cho anh chị trên tổng số nợ gốc là 280.000.000đ từ ngày 11/02/2017 đến nay.

Về thời điểm tính lãi và mức lãi xuất:

Đối với khoản vay 80.000.000đ, thời điểm vay 22/7/2012 là khoản vay không có thời hạn trả và không có lãi xuất. Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh Kh có trình bày đã đòi nhiều lần anh Ch không trả nhưng anh Kh, chị H không có chứng cứ gì chứng minh việc anh chị đã yêu cầu anh Ch trả số tiền này. Hai bên cũng không thống nhất được về việc đã thỏa thuận miệng với nhau trả lãi và cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Bản thân chị H cũng khẳng định vì là chỗ quen biết nên lúc đầu trả 1-2 tháng lãi nhưng sau đó anh chị không yêu cầu tính lãi nữa. Nay chị H yêu cầu tính lãi từ ngày 11/02/2017 là không phù hợp bởi lẽ: Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”, quy định về thời điểm xét xử và thời gian chậm trả đối với hợp đồng không có thời hạn cần tính lãi suất chậm trả trên số nợ gốc kể từ khi phát sinh tranh chấp. Do vậy HĐXX xác định thời điểm tính lãi là ngày Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn nhận đơn khởi kiện của anh Kh chị H là ngày 07/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 29/8/2019 là 3 tháng 22 ngày. Đây là khoản tiền vay không có thỏa thuận về lãi, không có thời hạn trả nợ, thời điểm tính lãi từ ngày 07/5/2019 nên áp dụng mức lãi xuất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp.

Cụ thể: $(80.000.000 \times 0,83\%) \times 3 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 2.479.000\text{đ}$ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Đối với khoản vay 200.000.000đ, thời điểm vay là ngày 10/10/2016, thời hạn trả ngày 10/02/2017, không có thỏa thuận về lãi xuất. Chị H có trình bày khi vay hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi xuất là 1.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày nhưng phía anh Ch không thừa nhận và cũng không đồng ý trả cả gốc và lãi vì anh cho rằng số tiền này thực tế anh không vay. Do vậy không có căn cứ xác định hai bên có thỏa thuận với nhau về lãi xuất. Chị H yêu cầu tính lãi từ ngày 11/02/2017 đến nay. HĐXX nhận thấy: Thời hạn trả nợ của hợp đồng này là ngày 10/02/2017 khi BLDS 2015 đã có hiệu lực. Căn cứ vào khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là phù hợp. Thời điểm tính lãi từ ngày 11/02/2017 đến ngày xét xử 29/8/2019 là 30 tháng 18 ngày.

Cụ thể: $(200.000.000\text{đ} \times 0,83\% / \text{tháng}) \times 30 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 50.796.000\text{đ}$ (Năm mươi triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Đối với quan điểm của Kiểm sát viên về thời điểm tính lãi và điều luật áp dụng là chưa phù hợp.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của anh Kh, chị H được chấp nhận nên anh Kh, chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy Ch phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 478 – Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của chị Nguyễn Thị H, anh Phan Đình Kh đối với anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch).

Buộc anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H, anh Phan Đình Kh toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng), tiền lãi là 53.275.000đ (Năm mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), Tổng cả gốc và lãi là: 333.275.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) phải trả làm một lần kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Duy Ch (Nguyễn Xuân Ch) phải nộp số tiền 16.663.700đ (Mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H và anh Phan Đình Kh số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001686 ngày 07/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND TT Thanh Sơn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Duyên Hòa